TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 325/2019/DS-PT
Ngày 29 – 11 – 2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn
Ông Phạm Việt Trung

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Len - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Ngọc Dễ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2019/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 255/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Minh P, sinh năm 1979 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh C.
- *Bị đơn*: Chị Ngô Út N, sinh năm 1980 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Anh Lưu Minh D, sinh năm 1973 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C.
- *Người kháng cáo*: Chị Ngô Út N, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Anh Phạm Minh P trình bày:*

Vào năm 2013 và 2014 anh có mở 04 dây hụi, loại hụi 500.000 đồng và hụi 1.000.000 đồng, chị Ngô Út N tham gia cả 04 dây hụi, cụ thể:

Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 01/8/2013, chị N tham gia 01 chưng, hốt ngày 01/9/2013.

Dây hụi 500.000 đồng mở ngày 01/9/2013, chị N tham gia 01 chưng, hốt ngày 01/9/2014.

Dây hụi 500.000 đồng mở ngày 01/02/2014, chị N tham gia 01 chưng, hốt ngày 01/4/2014.

Dây hụi 500.000 đồng mở ngày 01/4/2014, chị N tham gia 02 chưng, 01 chưng hốt vào ngày 01/4/2014, 01 chưng hốt ngày 01/9/2014.

Các dây hụi nêu trên mãn vào năm 2015 và 2016. Sau khi hốt hụi, chị N đóng lại hụi chết nhưng không đóng đủ, nên giữa anh và chị N gặp nhau kết nợ lại vào ngày 02/01/2016 chị N còn nợ lại anh số tiền hụi chết là 20.500.000 đồng, chị N có viết biên nhận nợ ngày 02/01/2016 và hẹn đến tháng 8/2016 dl trả dứt điểm. Sau khi kết nợ, chị N có trả cho anh được 1.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 19.500.000 đồng. Do đó, anh P khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị N và anh D có trách nhiệm trả cho anh số tiền 19.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2016 (dương lịch) đến ngày khởi kiện là ngày 27/5/2019 (dương lịch) là 33 tháng với mức lãi suất 0,9%/năm bằng 5.791.500 đồng, tổng cộng bằng 25.291.500 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P có thay đổi ý kiến chỉ yêu cầu chị N có trách nhiệm thanh toán nợ cho anh, không yêu cầu trách nhiệm của anh D; yêu cầu điều chỉnh lại mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm.

- Chị Ngô Út N trình bày:

Trước đây anh P mở hụi, chị ruột của chị là Ngô Hồng Th tham gia hụi của anh P, chị không có tham gia chưng hụi nào của anh P. Do anh P là giáo viên dạy cùng trường với chị, nên hàng tháng chị Th có nhờ chị đóng hụi dùm cho anh P. Khi chị Th hốt hụi, anh P giao tiền hụi cho chị nhận dùm và giao lại cho chị Th. Số chưng hụi và số tiền nợ hụi đúng như anh P trình bày. Do làm ăn thất bại hiện nay chị Th đã bỏ đi khỏi địa phương, hiện đang đi lao động ở Ả Rập Xê Út, không rõ địa chỉ cụ thể. Chị Th có liên hệ điện về với chị và thừa nhận có nợ hụi anh P và xin trả dần. Chị N xác định chị không tham gia chơi hụi của anh P, chị chỉ đứng ra chơi dùm chị Th, nên khi hòa giải chị không đồng ý trả theo yêu cầu của anh P.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N đồng ý thanh toán nợ hụi theo yêu cầu của anh P; còn việc chị chơi hụi dùm chị Th thì đó là quan hệ tranh chấp riêng giữa chị với chị Th, nếu có tranh chấp chị sẽ khởi kiện chị Th thành vụ kiện dân sự khác. Việc chơi hụi này chị không có nói cho chồng chị là anh Lưu Minh D biết, nên việc nợ hụi không có liên quan gì đến trách nhiệm của anh D.

- Anh Lưu Minh D trình bày:

Anh D xác định tranh chấp giữa anh P và chị N anh không biết và cũng không có liên quan. Anh không có hứa hẹn gì về việc trả tiền cho anh P; việc anh P cho rằng anh có đứng ra hứa sẽ trả tiền cho anh P là không đúng. Anh không đồng ý theo yêu cầu của anh P về việc yêu cầu anh và chị N trả số tiền 25.291.500 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2019/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn chị Ngô Út N có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn anh Phạm Minh P tổng số tiền nợ hụi là 24.862.000 đồng, trong đó nợ gốc 19.500.000 đồng, nợ lãi 5.362.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/9/2019, chị Ngô Út N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P về việc yêu cầu chị trả số nợ 19.500.000 và lãi 5.791.500 đồng, vì chị chỉ vô hụi dùm chị ruột của chị là chị Ngô Hồng Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Ngô Út N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Chị N phát biểu: Yêu cầu tính lại hụi chết còn bao nhiêu lần chưa đóng; việc chơi hụi đã có lãi nhưng buộc chị trả thêm lãi chậm trả là quá cao; chi phí giám định anh P phải chịu.

Anh P phát biểu: Số tiền hụi chết chị N còn nợ chưa đóng đã được anh và chị N thống nhất chốt nợ vào ngày 02/01/2016, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh D phát biểu: Yêu cầu xem xét lại mức lãi suất của phần hụi (vì mức lãi cao so với quy định pháp luật) và số tiền hụi chị N thực nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Út N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của chị Ngô Út N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Anh P cho rằng năm 2013 và 2014 anh có mở 04 dây hụi, loại hụi 500.000 đồng và hụi 1.000.000 đồng. Trong 04 dây hụi nêu trên, chị N có tham gia 05 chưng hụi và đã hốt hết 05 chưng. Sau khi hốt hụi, chị N đóng lại hụi chết còn thiếu 20.500.000 đồng, chị N có làm biên nhận nợ vào ngày 02/01/2016 và hẹn đến tháng 8/2016 dl trả dứt điểm; sau đó chị N đã trả được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 19.500.000 đồng. Chị N cho rằng chị không có tham gia hụi của anh P, mà người tham gia là chị Ngô Hồng Th (là chị ruột của chị) chị N là người chơi hụi và nhận tiền hụi dùm cho chị Th (hiện chị Th đang đi lao động ở A Rập Xê Út).

[2] Việc chị N cho rằng chơi hụi dùm cho chị Th không được anh P thừa nhận, chị N cũng không có chứng cứ gì để chứng minh ngoài lời trình bày của chị. Tuy nhiên, qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện việc chị N tham gia 05 chưng hụi của 04 dây hụi do anh P làm chủ hụi mở vào năm 2013 và 2014 là có thực tế. Bởi lẽ, ở mỗi dây hụi anh P đều có ghi danh sách các hụi viên, ngày tháng năm hụi viên hốt hụi và số tiền hốt được, có chữ ký nhận tiền của các hụi viên, trong đó có chị N. Khi anh P giao số tiền hụi hốt được của 05 chưng hụi nêu trên cho chị N đều có ký nhận của chị N. Quá trình giải quyết vụ án, chị N cũng thừa nhận chị là người trực tiếp đứng tên tham gia hụi, hốt hụi, nhận tiền và đóng lại hụi chết cho anh P. Hơn nữa, tại biên nhận kết nợ vào ngày 02/01/2016 chị N thừa nhận còn nợ anh P tiền hụi 20.500.000 đồng và hẹn đến tháng 8/2016 dl trả dứt điểm. Biên nhận nợ do chính chị N viết và ký tên; sau khi kết nợ, chị N đã có thanh toán cho anh P được số tiền 1.000.000 đồng. Đối với lời trình bày của chị N cho rằng anh P ép buộc chị viết biên nhận, nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N xác định nợ là của chị, còn việc chị Th nhờ chị chơi hụi dùm là giao dịch riêng giữa chị với chị Th, chị N đồng ý trả theo số nợ gốc còn lại cho anh P. Do đó, án sơ thẩm buộc chị N trả cho anh P số tiền hụi chết còn nợ chưa đóng bằng 19.500.000 đồng là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu của anh P về việc tính lãi chậm thanh toán, thấy rằng: Tại biên nhận nợ ngày 02/01/2016, chị N hẹn đến tháng 8/2016 trả dứt điểm số tiền nợ cho anh P, nhưng chị N không thực hiện. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh P, buộc chị N thanh toán cho anh P phần lãi suất của số tiền chậm thanh toán từ ngày 01/8/2016 đến ngày khởi kiện 27/5/2019 (dương lịch) là 33 tháng (do anh P yêu cầu tính tròn 33 tháng) theo mức lãi suất 10%/ năm bằng 5.362.000 đồng là phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu của chị N và anh D đặt ra trong phần tranh luận, xét thấy không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Việc giao dịch chơi hụi giữa anh P và chị N được thực hiện trên cơ sở tự nguyện thoả thuận; số tiền hụi chị N nhận của các chưng hụi đã hốt do anh P giao chị N đều có ký nhận; số tiền hụi chết chị N chưa đóng còn nợ anh P được các bên thống nhất kết nợ vào ngày 02/01/2016 và hiện nay các dây hụi đều đã mãn. Theo giấy biên nhận nợ ngày 02/01/2016, chị N hẹn đến tháng 8/2016 dl trả dứt điểm số tiền nợ cho anh P, nhưng chị N không thực hiện nên anh P yêu cầu tính lãi suất chậm trả và án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu anh P là đúng quy định pháp luật. Về chi phí giám định, do chị N không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận nợ ngày 02/01/2016 nên anh P có yêu cầu giám định; kết quả giám định kết luận là chữ viết, chữ ký của chị N, nên chị N phải chịu chi phí giám định là đúng quy định pháp luật.

[6] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Út N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Út N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2019/DS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh P. Buộc chị Ngô Út N có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền 24.862.000 đồng (trong đó nợ gốc 19.500.000 đồng, nợ lãi 5.362.000 đồng).

- Buộc chị Ngô Út N có trách nhiệm hoàn trả cho anh Phạm Minh P chi phí giám định số tiền là 4.880.000 đồng.

Kể từ ngày anh P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng chị N còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chi Ngô Út N phải chịu 1.243.000 đồng.

Anh Phạm Minh P không phải chịu. Ngày 24/5/2019 anh P đã dự nộp 632.000 đồng theo lai số 0000165 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm chị Ngô Út N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07/10/2019 chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000865 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;*
- *Chi cục THADS thành phố Cà Mau;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập